TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 886/2024/HS-PT
Ngày 31/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 866/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Th, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo không kháng cáo, bị kháng nghị:***

1. Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc D); giới tính: Nữ; sinh năm 1991, tại Bắc Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Nguyên Thị Minh Ng; chồng là Nguyên Văn N (đã ly hôn), có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/5/2020 đến ngày 22/9/2020; hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:***

2. Nguyễn Hồng Th, giới tính: Nam; sinh năm 1989, tại Bắc Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: số 86, Minh Kh, phường Đông Ng, thị xã Từ S, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hoài D1 và bà Nguyễn Thị B; vợ là Nguyễn Ngọc D, có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017 (là các con chung với Nguyễn Thị H tức Nguyễn Ngọc D); tiền án: Không; tiền sự:

Không; nhân thân: Không; hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo:* Luật sư Nguyễn Minh Th1 - Văn phòng luật sư Vạn B2, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt, có gửi bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo.

* *Người bị hại không kháng cáo được triệu tập:* Chị Nguyễn Thị Châu Gi, sinh năm 1983; địa chỉ: số 7 ngõ 207/103/3 đường Xuân Đ1, phường Xuân Đ1, quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Thanh Xuân nhận được đơn của chị Nguyễn Châu Gi về việc Nguyễn Ngọc D và chồng là Nguyễn Hồng Th có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị số tiền 1.787.000.000 đồng thông qua hợp đồng đặt cọc bán căn nhà số 48 Hàng Đào, quận Hoàn kiếm, thành phố Hà Nội nhưng không phải nhà của vợ chồng D và Th.

Quá trình điều tra đã xác định: Năm 2011, Nguyễn Thị H kết hôn với Nguyễn Văn N và có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H2 (sinh năm 2012) và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Ng2 (sinh năm 2016). Năm 2015, H và Ninh sống ly thân nhưng chưa làm thủ tục ly hôn. Đến năm 2016, H chung sống như vợ chồng với Nguyễn Hồng Th và có với nhau một con chung là cháu Nguyễn Bình Ng3 (sinh năm 2017).

Khoảng tháng 4/2019 do cần tiền sử dụng cá nhân, Nguyễn Thị H tra cứu trên mạng Internet và thuê người phụ nữ tên "Linh" làm giả: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB820591 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/3/2018 đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, có địa chỉ tại số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (gọi tắt là "sổ đỏ" giả địa chỉ 48 Hàng Đào) mang tên Nguyễn Hồng Th (CMND số 0125288280, địa chỉ thường trú: số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội). Sau đó, H đăng thông tin lên mạng Internet cần bán hoặc vay số tiền 800.000.000 đồng với tài sản là "sổ đỏ" giả địa chỉ 48 Hàng Đào nêu trên. Chị Hoàng Thị H3 biết được thông tin trên nên đã giới thiệu cho bạn là chị Nguyễn Châu Gi mua lại căn nhà địa chỉ 48 Hàng Đào của vợ chồng Th, H.

Ngày 30/6/2019, chị H3 và chị Gi đến địa chỉ 48 Hàng Đào để tìm hiểu về căn nhà. Khi đến nơi, chị Gi quan sát thì thấy căn nhà hiện đang kinh doanh bán quần áo, chị Gi vào hỏi thì được một người phụ nữ cho biết chỉ là người làm thuê không biết chủ là ai. Tuy nhiên do thấy đúng có căn nhà tại địa chỉ 48 Hàng Đào nên chị Gi bảo chị H3 hẹn vợ chồng Th, H đến quán cafe trên đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để trao đổi cụ thể. Tại quán café gồm có chị

Gi, chị H3, anh Nguyễn Chí Hiếu (là bạn của chị Gi) và vợ chồng H, Th. Tại đây, H nói với chị Gi là do chị gái H đang bị bắt vì buôn bán mỹ phẩm giả cần tiền để lo cho chị gái nên phải bán và cầm cố căn nhà 48 Hàng Đào. Chị Gi yêu cầu Th và H về nhà lấy "sổ đỏ" căn nhà 48 Hàng Đào đến để làm thủ tục đặt cọc số tiền là 800.000.000 đồng theo đề nghị của H, sau thời gian đặt cọc sẽ tiến hành thủ tục mua bán căn nhà 48 Hàng Đào với giá thỏa thuận là 6.000.000.000 đồng. Sau khi thống nhất chị Gi, chị H3, anh Hiếu, vợ chồng Th, H cùng với anh Nguyễn Văn Thủy là nhân viên Văn phòng Thừa phát lại Ba Đình đến văn phòng làm việc của chị H3 tại địa chỉ P2102 tòa nhà Licogi 13, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân để tiến hành lập vi bằng xác nhận nội dung chị Gi và vợ chồng H, Th lập Hợp đồng đặt cọc 800.000.000 đồng mua căn nhà số 48 Hàng Đào của vợ chồng Th, H và chị Gi giao cho vợ chồng H số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình đặt cọc, H đưa "sổ đỏ" giả địa chỉ 48 Hàng Đào cho chị Gi xem, chị Gi kiểm tra bằng mắt thường thì phát hiện có sai số giấy Chứng minh nhân dân của Th với số Chứng minh nhận dân trên "sổ đỏ" giả địa chỉ 48 Hàng Đào (thừa một số "0" đằng trước). Chị Gi có hỏi và được anh Thủy cho biết sai sót này không ảnh hưởng đến việc mua bán. Do tin tưởng nên từ ngày 30/6/2019 đến ngày 03/7/2019 chị Gi đã 06 lần chuyển tiền cho Nguyễn Thị H cụ thể:

- Ngày 30/6/2019 chị Gi và vợ chồng Th, H thỏa thuận lập Hợp đồng đặt cọc mua nhà số 48 Hàng Đào, chị Gi giao trực tiếp số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng Th, H. 02 sự việc này được ghi nhận lại bằng Vi bằng số 765/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình đo Thừa phát lại Nguyên Văn Thủy lập.

- Cùng ngày 30/6/2019, chị Nguyễn Châu Gi đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản số 141758888 của chị Gi mở tại Ngân hàng VPbank - Chi nhánh Hà Nội (Phòng giao dịch Tràng An) vào tài khoản số 19033248269010 của Nguyễn Thị H mở dưới tên Nguyễn Ngọc D tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Chương Dương (Phòng giao dịch Ninh H) với nội dung: "C Gi chuyen khoan dat coc can nha 48 Hang Dao".

- Ngày 01/7/2019, chị Gi tiếp tục giao trực tiếp cho vợ chồng Th, H số tiền 600.000.000 đồng, sự việc được ghi nhận lại bằng Vi bằng số 766/2019/VB-TPLBĐ ngày 01/7/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình do Thừa phát lại Nguyễn Văn Thủy lập.

- Cùng ngày 01/7/2019, chị Gi nhờ anh Hiếu chuyển khoản số tiền 400.000.000 đồng từ tài khoản số 140018888 của anh Hiếu mở tại Ngân hàng VPbank - Chi nhánh Hà Nội (Phòng giao dịch Tràng An) vào tài khoản số 19033248269010 của Nguyễn Thị H mở dưới tên Nguyễn Ngọc D tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Chương Dương (Phòng giao dịch Ninh Hiệp) với nội dung: "NGUYEN CHAU GIANG CHUYEN KHOAN DAT COC MUA CAN NHA SO 48 HANG DAO".

- Ngày 03/7/2019, chị Giang trực tiếp giao cho vợ chồng Th, H số tiền 300.000.000 đồng theo thỏa thuận của hai bên giao thêm tiền, ngoài ra hai bên lập Giấy giao nhận tiền và cam kết. 02 sự việc này được ghi nhận lại bằng Vi bằng số 788/2019/VB-TPLBĐ ngày 03/7/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình, Hà Nội do Thừa phát lại Nguyễn Văn Thủy lập.

- Cùng ngày 03/7/2020 chị Nguyễn Châu Gi đã chuyển khoản số tiền 87.000.000 đồng từ tài khoản số 141758888 của chị Gi mở tại Ngân hàng VPbank - Chi nhánh Hà Nội (Phòng giao dịch Tràng An) vào tài khoản số 180799068 của Nguyễn Thị H mở dưới tên Nguyễn Ngọc D tại Ngân hàng VPbank - Chi nhánh Kinh Đô với nội dung: "Dat coc can nha 48 Hang Dao".

Số tiền mặt ba lần chị Gi giao trực tiếp cho vợ chồng H và Th được ghi nhận bằng vi bằng là 1.100.000.000 đồng.

Số tiền ba lần chị Gi trực tiếp chuyển khoản và nhờ anh Hiếu (là bạn chị Gi) chuyển khoản cho vào tài khoản số 19033248269010 của Nguyễn Thị H mở dưới tên Nguyễn Ngọc D tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Chương Dương (Phòng giao dịch Ninh Hiệp) là 687.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà chị Nguyễn Châu Gi đã đưa cho vợ chồng Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng Th thông qua chuyển khoản và giao trực tiếp (có lập vi bằng) là 1.787.000.000 đồng.

Ngày 04/7/2019, anh Thủy kiểm tra lại trên hệ thống dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường thì phát hiện số "sổ đỏ" mà vợ chồng Th, H đưa có địa chỉ tại số 293 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội nên gọi thông báo cho chị Gi. Chị Gi đã gọi điện cho vợ chồng Th, H đến P2102 tòa nhà Licogi 13 Nhân Chính, sau đó gọi điện báo cho Công an quận Thanh Xuân đến giải quyết vụ việc. Tại đây, Nguyễn Hồng Th đã tự nguyện giao nộp khắc phục số tiền 152.000.000 đồng trả lại cho chị Gi.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng vụ án gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB820591 (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/3/2018, địa chỉ: số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội mang tên Nguyên Hồng Th (CMND số 0125288280, địa chỉ thường trú: số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội);

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen (số Imei: 356712080931132, lắp sim số 0976048389) đã qua sử dụng của Nguyễn Thị H;

- 01 (một) Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D có xác nhận của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 28/8/2018;

- 01 (một) giấy Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc D do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/8/2018;

- 01 (một) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do Sở Tư pháp - UBND thành phố Hà

Nội cấp cho công dân Nguyễn Ngọc D ngày 01/8/2018.

- 03 (ba) Vi bằng gồm: Vi bằng số 765/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019; Vi bằng số 766/2019/VB-TPLBĐ ngày 01/7/2019; Vi bằng số 788/2019/VB-TPLBĐ ngày 03/7/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình - thành phố Hà Nội do Thừa phát lại Nguyễn Văn Thủy lập.

Kết quả xác minh các vấn đề liên quan:

- Sao kê tài khoản số 180799068 của Nguyễn Thị H mở dưới tên Nguyễn Ngọc D tại Ngân hàng VPbank - Chi nhánh Kinh Đô xác định: Tổng số tiền Nguyễn Thị H nhận của chị Nguyễn Châu Gi thông qua hình thức chuyển khoản là 687.000.000 đồng.

- Tại các Công văn số 9871/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 22/8/2019, số 1792/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 28/02/2020, số 330/UBND-TNMT ngày 18/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội, Công văn số 645/UBND-TNMT ngày 20/5/2020 của UBND quận Hoàn Kiếm xác định: Căn nhà tại địa chỉ số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội không có trường hợp nào được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Hồng Th, cũng như không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nào có số CB820591. Nhà đất ở địa chỉ số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội được cấp 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất mang tên các ông bà tên sau: ông Nguyễn Xuân Lùng và bà Nguyễn Thị Tâm, ông Nguyễn Hữu Tuấn và bà Nguyễn Thị Như Hoa. Các ông bà trên đều xác định không biết vợ chồng Nguyễn Hồng Th và Nguyễn Ngọc D có hộ khẩu tại số 86 Minh Khai, phường Đông Ngàn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, quá trình sử dụng đất đến nay chưa chuyển nhượng cho ai.

- Các Vi bằng số 765/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019; Vi bằng số 766/2019/VB-TPLBĐ ngày 01/7/2019; Vi bằng số 788/2019/VB-TPLBĐ ngày 03/7/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình do Thừa phát lại Nguyễn Văn Thủy lập. Các Vi bằng nêu trên đã được Văn phòng thừa phát lại Ba Đình đăng ký tại Phòng Bổ trợ tư pháp - Sở Tư pháp thành phố Hà Nội vào các ngày 02/7/2019 và 05/7/2019.

Tại Kết luận giám định số 4574/C09-P5 ngày 30/8/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "... Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB820591 (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1) do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/3/2018, địa chỉ: số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội mang tên Nguyễn Hồng Th (CMND số 0125288280, địa chỉ thường trú: số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) là Phôi giả, được làm bằng phương pháp in phun màu; Chữ ký không phải do

ông Nguyễn Hữu Nghĩa - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội ký và hình dấu không phải của Sở Tài nguyên Môi trường Hà Nội…"

Tại Kết luận giám định số 5171/C09-P5 ngày 08/10/2019 và Kết luận giám định số 638/C09-P3 ngày 25/3/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "... Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tại 03 (ba) Vi bằng số 765/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019; Vi bằng số 76672019/VB-TPLBĐ ngày 01/7/2019; Vi bằng số 788/2019/VB-TPLBĐ ngày 03/7/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình, thành phố Hà Nội do Thừa phát lại Nguyễn Văn Thủy lập là do Nguyễn Hồng Th và Nguyễn Thị H điểm chỉ, ký và viết ra..."

- Đối với người có tên Nguyễn Văn Nam theo lời khai ban đầu của H và Th thì ông Nam (sinh năm 1956; HKTT: thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh; trú tại: số 2 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội) là "bố nuôi" của Nguyễn Thị H, là người đã làm thủ tục tặng cho và sang tên sổ đỏ nhà số 48 Hàng Đào cho vợ chồng H, Th. Kết quả xác minh tại xã Văn M, huyện Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh không có ai tên Nguyễn Văn Nam, sinh năm 1956. Tại khu vực Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội không có ai tên Nguyễn Văn Nam có năm sinh, hộ khẩu như trên sinh sống.

- Đối với người phụ nữ tên "Linh" là người H khai nhận nhờ làm giả "sổ đỏ" và các giấy tờ giả khác: Qua xác minh hồ sơ tài khoản số 060163395951 mở tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Gò vấp, chủ tài khoản có tên là Lê Phương Linh (sinh ngày 26/7/1989; HKTT: xã Thủy Sơn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) có số CMND 191785838 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 11/6/2012, hiện trú tại: số 46 Huỳnh Văn Nghệ, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Công văn số 135/PC06-Đ6 ngày 20/6/2019 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định Công an tỉnh Thừa Thiên Huế không cấp CMND 191785838 cho công dân Lê Phương Linh như trên; Công văn số 1254/CQĐT-ĐTTH ngày 15/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xác định không có địa danh xã Thủy Sơn; Công văn số 2008/CV-CQCSĐT ngày 27/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Gò vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xác định trên địa bàn không có địa chỉ số 46 Huỳnh Văn Nghệ, phường 12, quận Gò vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội còn tiến hành điều tra làm rõ hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan Nhà nước của Nguyễn Thị H, cụ thể như sau:

* Khoảng cuối năm 2018, do cần hợp thức giấy tờ để đăng ký khai sinh cho 02 con chung giữa H và Th nên H lên mạng Internet tìm kiếm và thuê người phụ nữ tên "Linh" làm giả các giấy tờ mang tên Nguyễn Ngọc D có hộ khẩu thường

trú tại số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quân Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội gồm:

+ 01 (một) Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 157/UBND/XNTTHN-GĐ do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2018.

+ 01 (một) Giấy chuyển hộ khẩu do Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2018.

Sau khi làm giả các giấy tờ trên, H sử dụng các giấy tờ trên với tên giả là Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 19/9/199; nơi thường trú: số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) để làm các thủ tục gồm: Đăng ký kết hôn với Nguyễn Hồng Th, làm thủ tục chuyển hộ khẩu cho mình và hai con là cháu Nguyễn Ngọc Thiên Ng2 và cháu Nguyễn Bình Ng3 về nhà Th ở địa chỉ số 86 Minh Khai, phường Đông Ngàn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tại Kết luận giám định số 7517/C09-P5 ngày 14/01/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "... Hình dấu tròn tại các tài liệu 01 (một) Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 157/UBND/XNTTHN-GĐ do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2018; 01 (một) Giấy chuyển hộ khẩu do Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nôi cấp ngày 03/12/2018 không phải do hình dấu tròn của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và hình dấu tròn của Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đóng ra..."

* Cùng thời gian năm 2018, Nguyễn Thị H đã thuê người làm giả và sử dụng các giấy tờ giả sau:

+ 01 (một) Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D có xác nhận của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 28/8/2018.

+ 01 (một) giấy Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc D do UBND phường Vmh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/8/2018.

+ 01 (một) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do Sở Tư pháp - UBND thành phố Hà Nội cấp cho công dân Nguyễn Ngọc D ngày 01/8/2018.

Sau đó, Nguyễn Thị H đã sử dụng những giấy tờ giả nêu trên để xin vào làm việc tại Ngân hàng Shinhan Bank trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2018 đến 28/9/2018 theo Hợp đồng Dịch vụ cho thuê lại lao động ngày 01/11/2017 giữa Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đệ Nhất Liên Bang (địa chỉ: số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) với Ngân hàng Shinhan Bank (địa chỉ: Tòa nhà Gold Palace số 99, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

Xác minh về các giấy tờ nêu trên xác định:

- Ngày 22/8/2018, Bệnh viện y học cổ truyền - Bô Công an có khám và cấp

Giấy chứng nhận sức khỏe cho người có tên Nguyễn Ngọc D (Nguyễn Thị H khám sức khỏe với tên giả là D);

- UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội không xác nhận Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D ngày 28/8/2018 và không cấp giấy Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc D ngày 27/8/2018;

- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội không cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 cho công dân Nguyễn Ngọc D ngày 01/8/2018.

Tại Kết luận giám định số 7262/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 12/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: " ... - Hình dấu tròn tại các tài liệu 01 (một) Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D có xác nhận của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 28/8/2018; 01 (một) giấy Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc D do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/8/2018; 01 (một) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội cấp cho công dân Nguyễn Ngọc D ngày 01/8/2018 không phải do hình dấu tròn của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và Sở Tư pháp thành phố Hà Nội đóng ra.

- Chữ ký, chữ viết trên Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D có xác nhận của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 28/8/2018 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H là do cùng một người viết ra..."

Như vậy trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 4/2019 Nguyễn Thị H đã có hành vi thuê người làm tổng số 06 giấy tờ giả gồm:

1. 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hồng Th CMND số 0125288280, địa chỉ thường trú: số 48 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

2. 01 (một) Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2018;

3. 01 (một) Giấy chuyển hộ khẩu do Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2018;

4. 01 (một) Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D có xác nhận của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 28/8/2018;

5. 01 (một) giấy Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc D do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/8/2018;

6. 01 (một) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội cấp cho công dân Nguyễn Ngọc D ngày 01/8/2018.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H khai nhận đã thuê người làm giả các giấy tờ trên, sau khi có các giấy tờ giả H đã sử dụng để xin việc làm, đăng ký kết

hôn, khai sinh cho con chung giữa H và Th và chuyển khẩu của H về hộ khẩu gia đình nhà Th ở số 86 Minh Khai, phường Đông Ngàn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, H đã trực tiếp quảng cáo lên mạng Intenet giao bán căn hộ 48 Hàng Đào.

Tại Cơ quan điều tra cả Nguyễn Thị H và Nguyên Hồng Th khai nhận: H đã cùng Th dùng sổ đỏ giả số nhà 48 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội để thế chấp vay tiền của chị Gi, khi làm việc với chị Gi thì H và Th có lập hợp đồng đặt cọc, giấy giao nhận tiền được lập vi bằng để bán nhà số 48 Hàng Đào lã theo yêu cầu của chị Gi và Thủy, còn bản chất là H và Th vay của chị Gi số tiền 1.100.000.000 đồng, chị Gi cắt lãi nên trên thực tế tổng số tiền nhận được từ chuyển khoản và tiền mặt là 852.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra: Chị Nguyễn Châu Gi và chị H3, anh Hiếu đều khai vợ chồng H và Th có thỏa thuận bán nhà số 48 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm cho chị Gi với giá 6 tỷ đồng, việc mua bán và giao tiền, lập hợp đồng đặt cọc 800.000.000 đồng đều được lập vi bằng, ngoài ra chị Gi còn chuyển khoản tiền cho D.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn Thủy khai nhận có lập Vi bằng vào các ngày 30/6/2019, 01/7/2019, 03/7/2019 ghi nhận kiện giữa chị Gi, vợ chồng D, Th lập hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số 48 Hàng Đào; chị Gi trực tiếp giao tiền mặt 03 lần với tổng số tiền 1.100.000.000 đồng cho vợ chồng D, Th để đặt cọc mua nhà 48 Hàng Đào; lập Giấy giao nhận tiền và cam kết giữa chị Gi và vợ chồng D, Th. Ngày 04/7/2019, khi phát hiện sổ đỏ nhà 48 Hàng đãõ là giả thì anh Thủy đã báo ngay cho chị Gi.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Hồng Th đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 152.000.000 đồng trả cho chị Gi để khắc phục hậu quả. Chị Gi xác định đã chuyển tiền trực tiếp và chuyển khoản cho vợ chồng H, Th tổng số tiền là 1.787.000.000 đồng, chị yêu cầu vợ chồng H và Th phải trả chị số tiền còn lại là 1.635.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 432/CT-VKS ngày 16/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Thị H về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" và "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Truy tố Nguyễn Hồng Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3, Điều 341; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H 10 (mười) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; và 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 22/9/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hồng Th 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về dân sự:

Buộc Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng Th phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Châu Gi số tiền còn lại là 948.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi tám triệu đồng). Kỷ phần của mỗi bị cáo là 474.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/3/2022, bị cáo Nguyễn Hồng Th kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 25/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-KNPT-P3 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vụ án theo hướng xác định số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 1.787.000.000 đồng và áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H từ 13-14 năm tù, bị cáo Nguyễn Hồng Th từ 10-11 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị H vắng mặt.

Bị cáo Nguyễn Hồng Th vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chỉ đi cùng H, không biết H và chị Gi bàn bạc gì, số tiền chiếm đoạt của bị hại do H sử dụng toàn bộ chứ bị cáo không được sử dụng số tiền đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho các bị cáo vắng mặt có gửi cho Tòa bản luận cứ bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, nhân thân tốt, bị cáo H phạm tội khi có thai, gia đình có công với cách mạng để cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-KNPT-P3 ngày 25/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng Th thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Th 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức án là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Th không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng Th, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Th.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Hồng Th đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát thành phố Hà Nội, Điều tra viên Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên Công an thành phố Hà Nội đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và người liên quan không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tổ tụng đều là hợp pháp.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa mở lần thứ ba, bị cáo Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, luật sư bào chữa cho các bị cáo vắng mặt nhưng đã gửi bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt bị cáo và người bào chữa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-KNPT-P3 ngày 25/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, do vậy Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng Th thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H, lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như tài liệu thu giữ được, kết luận giám định, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 4/2019, Nguyễn Thị H đã thuê đối tượng tên Linh làm 06 giấy tờ giả bao gồm:

- 01 (một) Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/7/2018, sau đó H sử dụng để

đăng ký kết hôn với Nguyễn Hồng Th và đăng ký khai sinh cho con chung giữa Th và H là cháu Nguyễn Bình Nguyên.

- 01 (một) Giấy chuyển hộ khẩu do Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2018, sau đó H đã sử dụng để nhập khẩu cho H và cháu Nguyễn Bình Nguyên về hộ khẩu gia đình Nguyễn Hồng Th.

- 01 (một) Sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Nguyễn Ngọc D có xác nhận của UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 28/8/2018;

- 01 (một) giấy Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc D do UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/8/2018;

- 01 (một) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội cấp cho công dân Nguyễn Ngọc D ngày 01/8/2018.

Sau khi có 03 giấy tờ giả nêu trên, H sử dụng tên giả là Nguyễn Ngọc D và xin việc làm tại Ngân hàng Shinhan Bank.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 48 Hàng Đào, Hoàn kiếm, Hà Nội mang tên Nguyễn Hồng Th, sau đó H cùng Th sử dụng ký hợp đồng đặt cọc bán căn hộ trên cho chị Nguyễn Châu Gi.

Việc H thuê làm các giấy tờ giả Th khai Th không biết nhưng thực tế bản thân Th có biết việc H là người đã có chồng, có tên thật là H chứ không phải D, trước khi đăng ký kết hôn vào năm 2019 thì Th và H đã sống chung như vợ chồng từ năm 2016. Bản thân Th xác định không có tài sản là nhà đất tại số 48 Hàng Đào nhưng Th lại là người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 48 Hàng Đào, tại hồ sơ Th khai trước khi vay tiền của chị Gi thì Th và H đã từng mang sổ đỏ này đi thế chấp vay tiền của người tên Oanh nhưng do số tiền vay được ít nên không vay nữa, khi tham gia ký hợp đồng đặt cọc việc H thỏa thuận vay tiền để trả nợ chung của vợ chồng Th và khi ký các giấy tờ thì Th đều biết và trực tiếp tham gia ký kết, nhận tiền mặt, nên bị cáo Th khai không biết và không đọc giấy tờ khi ký kết là không có cơ sở, do đó khi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 48 Hàng Đào mang tên mình khi mình không có tài sản là nhà đất ở số 48 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm để ký hợp đồng đặt cọc và nhận tiền của chị Gi thì buộc Th phải biết đó là giấy tờ giả. Các bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để bán tài sản hay thế chấp vay tiền thì đều là có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác. Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Th đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Về việc xác định số tiền chiếm đoạt:

Ngày 30/6/2019, các bên lập hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số 48 Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm và thỏa thuận đặt cọc 800.000.000 đồng, lập Hợp đồng đặt cọc và nhận trực tiếp 200.000.000 đồng tiền mặt được lập tại Vi bằng số 765/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình. Chị

Gi xác định có giao tiền mặt và chuyển khoản 200.000.000 đồng, các bị cáo xác định có lập vi bằng nhưng chị Gi có đưa một số tiền tượng trưng để chụp ảnh sau đó trả lại chị Gi, sau đó chị Gi chuyển khoản 200.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 30/6/2019 giao 200.000.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu chị Gi nộp tại Bút lục số 55 - 56 là ảnh chụp màn hình điện thoại xác định chuyển khoản thành công 200.000.000 đồng ngày 30/6/2019 và sao kê của Ngân hàng VP Bank chuyển khoản 200.000.000 đồng ngày 01/7/2019 có cùng số chứng từ FT19182253000968, tài liệu sao kê do Ngân hàng VP Bank cung cấp thể hiện ngày 30/6/2019 tài khoản của Nguyễn Ngọc D tức H không nhận được khoản tiền nào trị giá 200.000.000 đồng, ngày 01/7/2019 có nhận được chuyển khoản từ tài khoản của chị Gi số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của chị Gi và bị cáo phù hợp xác định ngày 30/6/2019 chị Gi có chuyển khoản 200.000.000 đồng cho bị cáo H (vào tài khoản mang tên D).

Ngày 01/7/2019, các bên giao tiền để tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc số tiền 600.000.000 đồng, tại Vi bằng số 766/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình thể hiện các bị cáo nhận trực tiếp số tiền mặt 600.000.000 đồng. Cả chị Gi và các bị cáo đều công nhận ngày 01/7/2019 anh Hiếu có chuyển khoản cho H số tiền 400.000.000 đồng. Các bị cáo xác định mặc dù lập vi bằng nhung không nhận được tiền mặt như vi bằng thể hiện.

Cả chị Gi và các bị cáo đều xác định theo thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc là 800.000.000 đồng, giao 2 lần, lần 1 là 200.000.000 đồng vào ngày ký văn bản (30/6/2019), lần 2 vào ngày 01/7/2019. Nếu theo lời khai của chị Gi xác định thì ngày 30/6/2019 và ngày 01/7/2019 chị Gi đã giao cho bị cáo cả chuyển khoản và tiền mặt tổng là 1.400.000.000 đồng, vượt quá thỏa thuận là 600.000.000 đồng trong khi hai bên không có thỏa thuận gì thêm về việc giao thêm tiền. Do vậy, lời khai của chị Gi xác định giao thêm tiền đặt cọc theo thỏa thuận của hai bên mà không lập văn bản là sơ xuất là không có căn cứ.

Sau đó, đến ngày 03/7/2019 các bên đã có thỏa thuận giao thêm số tiền 300.000.000 đồng, ngoài ra có lập Giấy giao nhận tiền và cam kết, các sự kiện này được lập tại Vi bằng số 766/2019/VB-TPLBĐ ngày 30/6/2019 của Văn phòng thừa phát lại Ba Đình. Hai bên xác định chị Gi có chuyển khoản số tiền 87.000.000 đồng cho H. Các bị cáo xác định ngày 03/7/2019 chỉ nhận 140.000.000 đồng tiền mặt khi lập vi bằng chứ không phải là 300.000.000 đồng như thỏa thuận.

Tại Giấy giao nhận tiền và cam kết có nội dung:

"*...2. Hai bên đã thống nhất giá trị của hợp đồng đặt cọc là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) được Bên A giao cho bên B làm hai đợt. Bên B đã nhận đủ so tiền trên.*

3. Nay theo yêu cầu của Bên B và Bên A đồng ý với yêu cầu của Bên B; Bên A tiếp tục giao số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) cho Bên B.

4. Mục đích giao nhận tiền: Bên B nhận tiền của Bên A để tiếp tục thực hiện các nội dung đã ký tại "Hợp đồng đặt cọc" đã được hai bên ký ngày 30/6/2019.

Điều2: Số tiền giao nhận:

- Số tiền giao nhận 300.000.000VND (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn); tiền Việt Nam hiện hành.

- Bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền 300.000.000VND (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn); tiền Việt Nam hiện hành. Việc giao nhận không có gì vướng mắc.

- Như vậy đến ngày 03/7/2019 Bên B đã nhận của Bên A tổng số tiền là: 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng chẵn).

Điều 3: Cam kết của các bên:

- Các bên cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã được ký kết tại "Hợp đồng đặt cọc" ngày 30/6/2019.

- Các nội dung và điều khoản đã ký tại "Hợp đồng đặt cọc" ngày 30/6/2019 không có bất kỳ bổ sung và thay đổi gì..."

Như vậy, tính đến ngày 03/7/2019, trước thời điểm lập Vi bằng số 788/VB ngày 03/7/2019 theo chị Gi xác định thì số tiền mà bị cáo nhận cả chuyển khoản và lập vi bằng phải là 1.400.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo nội dung của Giấy giao nhận tiền và cam két thì hai bên vẫn xác nhận đã giao nhận đủ 800.000.000 đồng mà lại không cùng nhau xác nhân số tiền thực giao nhận là 1.400.000.000 đồng như chị Gi khai, hai bên thỏa thuận giao nhận thêm 300.000.000 đồng và xác định tổng số tiền nhận được là 1.100.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời khai của các bị cáo xác định thỏa thuận nhận số tiền là 1.100.000.000 đồng, bản ảnh tại 03 Vi bằng đã lập giữa các bên, thỏa thuận đặt cọc, thỏa thuận giao thêm tiền...

Căn cứ vào phân tích trên thì đủ cở sở xác định có việc ngày 30/6/2019 hai bên thỏa thuận mua bán nhà số 48 Hàng Đào, đặt cọc 800.00.000 đồng, do vậy các bị cáo xác định lập hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số 48 Hàng Đào là để hợp thức hóa việc chị Gi cho các bị cáo vay tiền với lãi suất cao là không có cơ sở. Trên cơ sở Hợp đồng đặt cọc, 03 Vi bằng đã được lập, lời khai của chị Gi và của các bị cáo thì đủ cơ sở xác định trong các ngày 30/6/2019 và 01/7/2019 chị Gi chuyển khoản và tiền mặt cho các bị cáo tổng số tiền 800.000.000 đồng như đã thỏa thuận, ngày 03/7/2019 các bên thỏa thuận giao thêm 300.000.000 đồng (vừa tiền mặt vừa chuyển khoản) và một lần nữa xác định bên các bị cáo đã nhận đủ 800.000.000 đồng và xác định tổng số tiền đến ngày 03/7/2019 bên bị cáo đã nhận của chị Gi là 1.100.000.000 đồng. Do vậy, đủ căn cứ xác định các bị cáo chỉ nhận của chị Gi tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng thông qua chuyển khoản và nhận tiền mặt, không có căn cứ xác định các bị cáo đã nhận tổng số tiền là 1.787.000.000 đồng như Cáo trạng truy tố. Do vậy, hành vi của Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Th đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, điều khoản này quy định

hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000 đồng theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo H đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước về con dấu tài liệu, các bị cáo đều biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi, thiếu ý thức tôn trong pháp luật nên các bị cáo đều cố tình thực hiện tội phạm nên cần phải xử phạt nghiêm minh.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị H không kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Hồng Th, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo phạm tội lần đầu, tại phiên tòa bị cáo Th không nhận tội, tuy nhiên tại cơ quan điều tra các bị cáo đều khai nhận hành vi nên Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ khai bảo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với bị cáo, sau khi bị phát hiện bị cáo Th đã chuyển trả chị Gi 152.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo Th hiện đang một mình nuôi con nhỏ. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, tuổi đời còn trẻ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Th 08 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng Th không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng Th cũng như quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hồng Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-KNPT-P3 ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân

dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Thị H kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (31/10/2024).

2. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Hồng Th; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Hồng Th, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Th 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Hồng Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học